

Truyền thông bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ít người ở Việt Nam

Nguyễn Thị Nhung¹, Nguyễn Thị Phương Thanh²

¹ Trường Đại học Thái Nguyên.

Email: nhungstn@gmail.com

² Đài Truyền hình Việt Nam.

Email: phuongthanh.vtv@gmail.com

Nhận ngày 24 tháng 6 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 8 năm 2019.

Tóm tắt: Ở Việt Nam, vấn đề truyền thông bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số (DTTS) ít người đã được đặt ra từ lâu và hiện nay vẫn được coi là cấp thiết, bởi sự thống nhất ý chí và củng cố sức mạnh đoàn kết dân tộc, đồng thời thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc. Ngôn ngữ không chỉ là thành tố cơ bản trong văn hóa mà còn là phương tiện để hình thành và lưu truyền trong đời sống văn hóa tinh thần của một dân tộc. Truyền thông bằng ngôn ngữ của các dân tộc, trong đó có DTTS ít người góp phần bảo tồn và phát triển sự đa dạng trong văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số ít người, ngôn ngữ, truyền thông.

Phân loại ngành: Báo chí học

Abstract: In Vietnam, the issue of media/communication using the languages of small-number ethnic minorities has been raised for long, and is still considered urgent, given its capacities in unifying the will and consolidating the strength of national unity, and, at the same time, expressing the equality among ethnic groups. Language is not only a basic element in culture but also a means of formation and dissemination in the cultural and non-material activities of a nation. Media in the languages of ethnic groups, including small-number ethnic minorities, contributes to the preservation and development of diversity in Vietnamese culture.

Keywords: Small-number ethnic minorities, language, media.

Subject classification: Journalism studies

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Việt Nam có 15 DTTS với dân số chỉ dưới mười nghìn người. Trong đó, 4 dân

tộc La Ha, Pà Thẻn, Chứt, Lự có dân số từ năm nghìn người trở lên đến dưới mười nghìn; 6 dân tộc Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Ngái có từ một nghìn đến năm

nghìn người; và 5 dân tộc Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu có dân số chỉ dưới một nghìn người [7].

Theo Điều 4, Nghị định 05/2011/NĐ-CP thì đây là những DTTS ít người. Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ DTTS cho rằng, ngôn ngữ của các dân tộc này đang bị mai một, thậm chí có nguy cơ biến mất [1, tr.163]. Trên thực tế, có ngôn ngữ đã cơ bản biến mất như tiếng Ô Đu. 14 ngôn ngữ còn lại (tạm gọi là các ngôn ngữ bị mai một) đang rất cần được giữ gìn, bảo tồn, phát triển để không bị biến mất mà còn đáp ứng được nhu cầu giao tiếp của thời đại. Do vậy, các ngôn ngữ bị mai một đang thu hút sự quan tâm của Nhà nước, của nhiều nhà khoa học. Tuy nhiên, nếu 22/38 ngôn ngữ của các dân tộc có số dân từ mười nghìn người trở lên đã được đưa vào truyền thông cấp trung ương, tỉnh, huyện (chủ yếu ở hai loại hình truyền hình, phát thanh) thì 14 ngôn ngữ nói trên đều chưa được sử dụng trong hoạt động truyền thông ở ba cấp này. Truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS có vai trò rất lớn trong việc bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa các dân tộc, trong việc phát triển bền vững vùng các DTTS nói riêng, phát triển bền vững đất nước nói chung. Nhưng vấn đề truyền thông bằng ngôn ngữ của các DTTS ít người ở Việt Nam cũng chưa được công trình nào đặt ra và giải quyết. Bài viết này chỉ rõ sự cần thiết truyền thông bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ít người; nguyên nhân ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ít người chưa được sử dụng ở Việt Nam hiện nay.

2. Sự cần thiết truyền thông bằng ngôn ngữ của các DTTS ít người

Thứ nhất, ngôn ngữ của các DTTS ít người còn gọi là các ngôn ngữ bị mai một ở Việt Nam hiện nay là đối tượng cần bảo tồn, phát triển. Không chỉ bởi số người của các

dân tộc này không nhiều, mà còn bởi số người sử dụng được các ngôn ngữ này ngày một ít đi. Ở hầu hết các DTTS có một thực trạng là nhiều người thuộc thế hệ trẻ không còn nắm vững, thậm chí không sử dụng được tiếng mẹ đẻ của mình do họ ít được kế thừa từ người lớn, không được dạy trong nhà trường; họ sớm tách khỏi môi trường tiếng mẹ đẻ để đi học, đi làm ở môi trường mới. Đối với các ngôn ngữ bị mai một, bên cạnh hiện tượng đó, còn có hiện tượng mai một ngôn ngữ xảy ra ngay ở những thế hệ trung, cao tuổi khi họ sống xen kẽ với các dân tộc khác có dân số lớn hơn. Theo kết quả Điều tra thực trạng kinh tế xã hội 53 DTTS năm 2015, số người biết tiếng mẹ đẻ ở dân tộc La Ha chiếm 67,3%, ở dân tộc Ngái chiếm 50,8%, ở dân tộc Cơ Lao chiếm 45,5%, ở dân tộc Ô Đu chiếm 27,7%. Dân tộc Ô Đu sở dĩ hầu như đã mất tiếng nói của mình chính bởi họ sống xen lẫn với người Thái, người Khơ Mú ở xã Hữu Khuông và xã Yên Hòa (Tương Dương, Nghệ An). Hiện tượng này không chỉ khi hội họp hay tham gia các hoạt động giao tiếp ở lĩnh vực hành chính, mà ngay cả khi giao tiếp trong cộng đồng, trong gia đình, họ cũng dùng ngôn ngữ của dân tộc có số dân lớn hơn là người Thái, người Khơ Mú. Dùng lâu thành quen, họ đã dần quên đi tiếng mẹ đẻ. Người Bố Y cũng sống xen cài với các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Hoa, Thái tại một số huyện miền núi của Lào Cai, Hà Giang. Hiện nay, trong giao tiếp hàng ngày, có tình trạng một phần lớn người Bố Y đã quên tiếng mẹ đẻ của mình mà dùng ngôn ngữ của các dân tộc láng giềng. Người Bố Y tại Lào Cai dùng tiếng Quan Hỏa, Người Bố Y tại Hà Giang dùng tiếng Giáy, tiếng Tày. Người La Ha thì sống xen cài với người Kháng, người Thái ở miền hữu ngạn sông Hồng và miền lưu vực sông Đà (thuộc Lào Cai, Yên Bái, Sơn La). Họ dùng tiếng Thái

rất phổ biến, thơ ca dân gian đều thể hiện bằng tiếng Thái.

Bên cạnh đó, phạm vi sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ cũng hết sức hạn hẹp, chủ yếu chỉ còn trong giao tiếp gia đình. Phạm vi gia đình cũng có thể không đảm bảo giữ vững khi mỗi người bị ảnh hưởng ngày một lớn bởi thói quen dùng ngôn ngữ khác từ giao tiếp xã hội. Phạm vi hẹp kéo theo tần số sử dụng tiếng mẹ đẻ thấp bởi người DTTS cũng theo xu thế chung của thời đại, mở rộng các quan hệ xã hội. Những điều này đã dẫn tới hiện tượng quên tiếng mẹ đẻ ở một bộ phận người trung, cao tuổi; hạn chế phát triển tiếng mẹ đẻ ở những người trẻ tuổi; khiến mức độ mai một của các ngôn ngữ này ngày càng cao.

Thứ hai, truyền thông bằng ngôn ngữ bị mai một còn là phương tiện không thể thiếu giúp mọi chủ nhân của các ngôn ngữ này thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình. Đó là quyền của công dân được đề cập trong Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2016 tại kỳ họp thứ 11, chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2018. Luật này có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa quyền con người trong Hiến pháp năm 2013, đó là “quyền được biết” của dân, là dấu mốc quan trọng trong việc thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Luật xác định rõ nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Trong đó có nguyên tắc: Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin [4]. Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước từ cơ quan hành pháp, tư pháp đến cơ quan lập pháp cung cấp thông tin cho công

dân; đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Phương tiện cung cấp thông tin phổ biến, tiện lợi hơn cả hiện nay chính là truyền thông đại chúng, đặc biệt là phát thanh, truyền hình.

Vấn đề đặt ra là, có phải hiện nay, mọi người dân Việt Nam đều đã được thực hiện quyền tiếp cận thông tin? Qua quan sát sơ bộ của chúng tôi, trong số các DTTS ở Việt Nam, nhóm các DTTS ít người này đang còn đáng kể những người chưa biết tiếng Việt cùng các ngôn ngữ có sử dụng vào truyền thông đại chúng. Bởi các DTTS ít người hầu hết đều sinh sống ở các địa bàn núi cao, xa xôi, hẻo lánh. Nếu họ cư trú độc lập thành khu vực riêng thì khả năng nắm được ngôn ngữ thứ hai, thứ ba là không cao. Chẳng hạn, người Công cư trú gọn trong 5 bản thuộc các xã của huyện Mường Tè (Lai Châu). Người Brâu sống tập trung tại làng Đắc Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Người Rơ Măm cư trú tập trung tại làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, Kon Tum. Những người có tuổi, ít rời khỏi làng thường không biết chữ Quốc ngữ, và có thể không thạo tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ khác. Theo kết quả Điều tra thực trạng kinh tế xã hội 53 DTTS ngày 01/8/2015, có đến 6 DTTS ít người có tỷ lệ người (15 tuổi trở lên) không biết đọc, biết viết tiếng Việt chiếm từ 40% trở lên. Trong đó, dân tộc La Ha là 42,5%, dân tộc Lô Lô là 45,5%, dân tộc Cơ Lao là 50,2%, dân tộc Brâu là 51,8%, dân tộc Mảng là 56,2% và dân tộc Lự là 57,2%. Tuy nhiên, tỷ lệ người nghe, nói được tiếng Việt thì cao hơn. Như vậy, nhìn chung, nhiều người DTTS ít người không thể thực hiện tốt quyền tiếp cận thông tin của mình nếu như không có các hoạt động truyền thông sử dụng tiếng mẹ đẻ của họ.

Thứ ba, truyền thông bằng ngôn ngữ bị mai một góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động tiếp cận thông tin. Việc tiếng mẹ đẻ được dùng trên các phương tiện truyền thông chính thống chắc chắn sẽ khiến người dân các DTTS ít người có thêm niềm tự tôn dân tộc, tự hào về văn hóa dân tộc mình, từ đó hào hứng và thích thú theo dõi để nắm được tốt hơn các nội dung truyền thông. Điều này đồng thời có tác động tăng cường hiệu lực truyền thông, thu hút được lượng người quan tâm đến truyền thông đại chúng nhiều hơn.

Thứ tư, truyền thông bằng các ngôn ngữ bị mai một là phương tiện hữu hiệu để nâng cao chất lượng cuộc sống của DTTS ít người. Các DTTS ít người còn nhiều tập tục lạc hậu, hiểu biết mọi mặt còn hạn chế, nhiều hộ vẫn sống trong điều kiện khó khăn, kinh tế thấp kém. Chẳng hạn, đồng bào dân tộc Cống có cuộc sống nhìn chung còn nghèo khó, nhưng cứ mỗi đám cưới, dân bản có thể ăn uống, vui chơi suốt trong 3 ngày 2 đêm. Mỗi người chết đi, có thể hạ cả một cây to, khoét rỗng, để làm quan tài. Sự lãng phí khiến cuộc sống của bà con đã nghèo khổ càng thêm khốn khó, cây lớn bị triệt hạ nhiều, rừng già dần bị xóa sổ.

Nhiều tập tục vẫn còn ảnh hưởng không tốt đến kinh tế, môi trường, sức khỏe, đến sự tự do trong hôn nhân hay tự do trong phát triển cuộc sống của cộng đồng các DTTS ít người. Chẳng hạn, Người Lự, khi trồng lúa thường cấy chay, không làm cỏ, bỏ phân. Người Lô Lô có thể áp đặt chuyện hôn nhân (án định người vợ, người chồng tương lai) cho một đứa trẻ vừa sinh ra; cấm phụ nữ ăn thịt lợn, thịt gà. Người Cơ Lao có tục cho người đẻ khó uống nước rửa tay của người già hoặc nước rửa con thoi. Người Si La có tục: cha mẹ còn sống, con trai dù đã có vợ con cũng không được ra ở riêng. Người Pà Thẻn, người Lự, và nhiều DTTS ít người khác còn tin vạn vật đều có linh

hồn, mỗi khi có điều vui buồn thường lí giải theo tín ngưỡng, không theo khoa học, tổ chức cúng lễ tốn kém. Những tập tục, cách sống, lối nghĩ này cần được thay đổi để chất lượng cuộc sống của bà con được cải thiện.

Bên cạnh đó, các DTTS ít người cũng có nhiều nét đẹp trong văn hóa. Đó là hầu hết các dân tộc đều có hôn nhân một vợ một chồng bền vững, ít có hiện tượng li dị, đa thê. Người Cống có mối quan hệ láng giềng gần bó, có tinh thần tương trợ lẫn nhau rất cao. Người Chứt có đời sống tinh thần phong phú thể hiện qua hệ thống nhạc cụ phong phú, dân ca và truyện kể hấp dẫn. Người Lô Lô có trang phục nữ độc đáo, công phu, đẹp như những tác phẩm nghệ thuật. Những nét đẹp này cần được khẳng định, tôn vinh và phát huy.

3. Nguyên nhân ngôn ngữ của các DTTS ít người chưa được sử dụng vào truyền thông ở Việt Nam

3.1. Khó khăn về kinh phí và nhân lực

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, kinh phí cho truyền thông nói chung, cho truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS nói riêng của quốc gia và của các tỉnh còn hạn hẹp. Các đài phát thanh truyền hình (PT-TH) đang bước vào giai đoạn tự chủ về tài chính. Làm phát thanh, truyền hình bằng tiếng Việt thì có thể cải thiện thu nhập bằng quảng cáo, thương mại truyền thông. Làm phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc, không có điều kiện cải thiện như vậy. Thực tế ở hầu hết các đài PT-TH hiện nay là thu nhập của phòng Tiếng dân tộc đều rất hạn hẹp, điều kiện làm việc của anh chị em thực sự khó khăn. Vì vậy, từ Trung ương đến các tỉnh, các cấp lãnh đạo đều phải đặt vấn đề lựa chọn một số ngôn ngữ nhất định cho truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS, chưa

thể đưa tất cả ngôn ngữ DTTS vào truyền thông, việc mở rộng thêm các ngôn ngữ mới là rất chậm.

Vì kinh phí ít, nhân lực cũng bị cắt giảm. Với các ngôn ngữ DTTS đã được duy trì làm phát thanh truyền hình từ lâu, nhân lực cũng đang bị biến động theo hướng đi xuống, kéo theo tình trạng làm việc căng thẳng ở hầu hết các đài PT-TH tỉnh. Theo quan sát của chúng tôi, nhiều người làm phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc đang ở chế độ hợp đồng đã bị chuyển sang thành cộng tác viên. Hơn nữa, việc lựa chọn nhân lực người DTTS cho truyền thông cũng không hề dễ dàng. Bởi người làm truyền thông, cụ thể là người làm phát thanh, truyền hình bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số đều phải đáp ứng được nhiều yêu cầu: (1) Phải thạo ngôn ngữ DTTS; (2) Có giọng hay; (3) Có khiếu nói; (4) Có nghiệp vụ báo chí; và (5) nếu làm truyền hình thì còn cần tiêu chuẩn ngoại hình đẹp. Yêu cầu thứ hai, thứ ba, thứ năm là không dễ đạt được, bởi nó nghiêng về thiên bẩm. Yêu cầu thứ nhất và thứ tư lại dường như đối lập nhau. Bởi những người đã xa môi trường tiếng mẹ đẻ để đi học văn hóa, học chuyên nghiệp cho đến tinh thông nghiệp vụ báo chí thì thường đã bị mai một vốn ngôn ngữ mẹ đẻ. Ngược lại, người có vốn ngôn ngữ mẹ đẻ phong phú lại thường là người chưa dứt khỏi môi trường dân tộc mình, thường chưa được đi đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ báo chí. Đây là khó khăn chung với việc chọn nhân lực cho truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS. Hiện nay có bộ phận làm chương trình Tiếng dân tộc mà không có một người DTTS nào như ở Đài PT-TH Thừa Thiên-Huế, hay chỉ có một người DTTS cho mỗi ngôn ngữ như Đài PT-TH Quảng Trị, Đài PT-TH Ninh Thuận, Đài PT-TH Cao Bằng... Với các DTTS ít người, việc lựa chọn nhân lực lại càng khó khăn gấp bội. Bởi các dân tộc này ít người, lại thường

chưa phát triển, rất khó tìm người đã được đào tạo nghiệp vụ báo chí. Việc chọn người có nhan sắc, có năng khiếu trong một tập thể nhỏ hẳn khó hơn trong một tập thể lớn.

3.2. Rào cản tiêu chí lựa chọn ngôn ngữ truyền thông

Thứ nhất, nước ta còn nghèo, kinh phí cho truyền thông còn ít, nên tiêu chí đầu tiên được đưa vào lựa chọn ngôn ngữ truyền thông chính là tiết kiệm. Cùng một hoạt động truyền thông, mà số người có thể tiếp cận được càng đông, có thể phủ sóng càng rộng thì hẳn là càng tốt. Nên thường thì ngôn ngữ của dân tộc lớn, cư trú trên địa bàn rộng; ngôn ngữ của những dân tộc có uy tín, có ảnh hưởng lớn tới cộng đồng, được coi là ngôn ngữ phổ thông vùng ở các phạm vi khác nhau (như tiếng Gia Rai, tiếng Khmer, tiếng Chăm, tiếng Thái, tiếng Tày,...) được ưu tiên lựa chọn vào truyền thông. Các ngôn ngữ bị mai một đương nhiên không đáp ứng tiêu chí này.

Thứ hai, xếp sau tiêu chí tiết kiệm là tiêu chí tiện lợi. Vậy nên, các ngôn ngữ có vốn từ vựng phong phú, có chữ viết được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có từ điển, sách dạy chữ; ngôn ngữ của dân tộc có bề dày về văn hóa sẽ được ưu tiên lựa chọn. Bề dày văn hóa sẽ là một thuận lợi cho việc tìm đề tài cho các tin bài. Vốn từ vựng phong phú, cùng bộ chữ viết sẽ tạo thuận lợi cho khâu viết bài, dịch thuật, lưu giữ. Nhờ có chữ viết, các phóng viên có thể viết bài bằng chữ DTTS, văn phong sẽ mềm mại, chuẩn mực hơn văn phong của các bản dịch từ tiếng Việt. Cũng nhờ có chữ viết, các biên dịch viên có thể dịch trước, ghi lại bằng văn bản để có thời gian lựa chọn từ ngữ, trau chuốt cách diễn đạt. Các ngôn ngữ bị mai một là ngôn ngữ của các dân tộc nhỏ, chưa có chữ viết, khó đáp ứng được tiêu chí này.

Thứ ba, tiêu chí hiệu quả. Theo đó, các dân tộc càng cần được tuyên truyền, giáo dục về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, cần được cổ kết cộng đồng thì ngôn ngữ của họ càng được ưu tiên sử dụng. Trong thực tế, việc áp dụng tiêu chí này mới chủ yếu hướng tới các DTTS cần tuyên truyền về chính trị, quốc phòng, an ninh, cần tăng cường sự gắn kết của cộng đồng dân tộc đó với đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Điều này đồng nghĩa việc vận dụng tiêu chí mới nghiêng về đáp ứng nhu cầu chung của quốc gia. Tuy nhiên, hiệu quả của truyền thông cần phải đến từ hai phía, bên cạnh hiệu quả nhìn từ lợi ích quốc gia, còn cần chú ý tới hiệu quả đối với bản thân DTTS được tiếp cận truyền thông. Nếu xuất phát từ bản thân các DTTS này thì mục tiêu cũng rất quan trọng cần quan tâm là tuyên truyền giáo dục về văn hóa, khoa học, cách làm kinh tế (bên cạnh mục tiêu về chính trị, an ninh). Các dân tộc có số dân càng nhỏ (thường cũng là những dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu) càng cần được tuyên truyền giáo dục về các lĩnh vực đó.

Thứ tư, các tiêu chí lựa chọn ngôn ngữ truyền thông dựa trên điều kiện kinh phí có mặt mạnh cơ bản của chúng. Bởi việc lựa chọn ngôn ngữ truyền thông theo các tiêu chí này đã giúp cho truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS tồn tại được trong điều kiện kinh phí ngặt nghèo. Bên cạnh đó, nó còn ít nhiều đáp ứng trong việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực truyền thông và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tuy nhiên, việc lựa chọn ngôn ngữ truyền thông theo các tiêu chí trên cũng khiến cho hai mục tiêu quan trọng hàng đầu của truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS là mục tiêu bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, văn hóa và thực hiện quyền tiếp cận thông tin lại chưa được đáp ứng tốt. Đáng rằng, tất cả các ngôn ngữ DTTS đều cần được bảo tồn

ở một mức nào đó nên việc truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS nào cũng đều góp phần thực hiện mục tiêu bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, văn hóa. Nhưng theo các tiêu chí lựa chọn trên, hơn một nửa ngôn ngữ DTTS, bộ phận có mức độ mai một cao hơn, nhu cầu bảo tồn, phát triển bức thiết hơn, có nhiều người không biết tiếng Việt lại chính là bộ phận các ngôn ngữ chưa được đưa vào hoạt động truyền thông.

Những phân tích trên cho thấy các tiêu chí lựa chọn ngôn ngữ cho truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS hiện hành có thể vận dụng trong một giai đoạn nhất định, nhưng không thể mãi kéo dài. Bởi nếu cứ kéo dài việc sử dụng các tiêu chí này thì kết quả lựa chọn ngôn ngữ truyền thông sẽ làm cho những mục tiêu cơ bản của hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam chưa thể thực hiện được.

Khi điều kiện kinh tế của đất nước đi lên, kinh phí dành cho truyền thông DTTS được cải thiện, cần ưu tiên hàng đầu cho việc truyền thông bằng ngôn ngữ bị mai một. Và ngay từ bây giờ, nên chuẩn bị từng bước, để đưa các ngôn ngữ bị mai một vào hoạt động truyền thông.

4. Kết luận

Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ít người có vai trò đặc biệt với việc bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, góp phần bảo vệ vẻ đẹp đa sắc của văn hóa Việt Nam. Đồng thời, hoạt động này cũng giúp đồng bào các DTTS có lượng người ít nhất Việt Nam, có điều kiện tiếp cận thông tin để mở mang nhận thức, thay đổi hành vi theo hướng tích cực; góp phần phát triển kinh tế, văn hóa xã hội ở vùng miền núi, biên giới, tạo tiền đề quan trọng cho công tác an ninh, quốc phòng của đất nước; góp

phần thực hiện Luật Tiếp cận thông tin và những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển bền vững vùng DTTS ở Việt Nam. Tuy nhiên, để truyền thông bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ít người ở Việt Nam thành công, chúng tôi cho rằng:

Một là, Bộ Thông tin và Truyền thông cần trực tiếp chỉ đạo thực hiện hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ bị mai một, bởi đây là một hoạt động tương đối phức tạp, tốn kém, cần một sự điều hành chung.

Hai là, để chuẩn bị cho hoạt động này, Bộ Thông tin và Truyền thông cần chỉ đạo việc tuyển chọn người thuộc các DTTS ít người đã tốt nghiệp phổ thông, nắm vững tiếng mẹ đẻ, có năng khiếu báo chí, ưu tiên người có ngoại hình đẹp để đào tạo về nghiệp vụ báo chí. Nên ưu tiên việc chuẩn bị cho những ngôn ngữ có mức độ mai một cao và có nhiều người dân cần thực hiện quyền tiếp cận thông tin như tiếng La Ha, Ngái, Cờ Lao, Lô Lô, Brâu, Mảng, Lự.

Bên cạnh đó, cần phối hợp với Viện Ngôn ngữ học, Bộ giáo dục và Đào tạo có kế hoạch từng bước xây dựng bộ chữ viết và dạy tiếng cho thế hệ trẻ của các dân tộc có ngôn ngữ bị mai một.

Ba là, từng bước đưa các ngôn ngữ bị mai một đã được chuẩn bị vào truyền thông. Các ngôn ngữ đã đào tạo được đội ngũ làm truyền thông, được nhiều người sử dụng và đưa vào truyền thông trước.

Bốn là, các DTTS ít người đều có số dân nhỏ, nên cấp truyền thông không gây tốn kém, phù hợp với các dân tộc này là truyền thông cấp huyện, xã. Nếu dân tộc không quá ít người (như La Ha, Pà Thên, Chứt, Lự, Mảng, Lô Lô, Cơ Lao, Bô Y, Cống) thì thực hiện truyền thông cấp huyện ở một hoặc một số huyện mà họ sinh sống. Với các ngôn ngữ quá ít người (như Ngái, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu) thì có thể thực hiện

truyền thông cấp xã. Dù ở cấp nào thì Nhà nước cũng cần quan tâm, chỉ đạo và tài trợ về kinh phí.

Năm là, bước đầu, với điều kiện kinh phí hạn chế, có thể chỉ chọn loại hình truyền thông ít tốn kém là phát thanh và truyền thông trực tiếp. Khi có điều kiện hơn, có thể thêm các loại hình khác. Nên đưa các chương trình Tiếng dân tộc lên trang web để lưu giữ, tạo dần một dạng kho bảo tồn ngôn ngữ, và cũng để người dân tiếp cận được thuận lợi.

Sáu là, các chương trình phát thanh bằng những ngôn ngữ bị mai một nên bắt đầu với thời lượng nhỏ (15 phút), sau tăng dần lên khi có điều kiện. Tần suất cũng có thể bắt đầu ở mức độ thấp (1 chương trình/ tuần), sau có thể tăng dần.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Trí Dồi (2016), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Dũng (2012), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hữu Hoàn (Chủ biên) (2012), *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [4] Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), Luật tiếp cận thông tin số 104/2016QH13, ngày 9 tháng 4, Hà Nội.
- [5] Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] <http://www.cema.gov.vn/cong-bo-ket-qua-dieu-tra-thuc-trang-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2015.htm>

